TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM ĐÔNG** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HS-ST
Ngày 18-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Lợi.

2. Bà Hồ Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhân Tài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 670/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024 và Thông báo số 677/TB-TAND, ngày 11/12/2024 về việc thay đổi lịch phiên tòa đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Túy V (tên gọi khác: Không); sinh ngày 01 tháng 8 năm 1974, tại: Tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi thường trú: TT KT, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số: 046174002xxx, cấp ngày: 29/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; con ông: Nguyễn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1947; có chồng là Nguyễn Hoàng V1, sinh năm: 1973 và 05 người con (con lớn nhất sinh năm 1993 và nhỏ nhất sinh năm 2011);

Quá trình nhân thân: Nhỏ sống với cha mẹ tại xã VH, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế. Học văn hóa đến lớp 5/12 thì nghỉ và đi học nghề may tại thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1994 lập gia đình, sinh sống tại xã VH, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đến năm 2004, cùng gia đình chuyển đến làm ăn sinh sống tại tổ dân phố 2, TT KT, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến ngày phạm tội (ngày 19/7/2024).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 15/9/2024 cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Lê Thị Vẽ, sinh năm: 1971; nơi thường trú: Xã HL. huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Buôn bán. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ, ngày 19/7/2024, Nguyễn Thị Túy V, sinh năm: 1974 đang bán cơm tại nhà của mình ở khu vực cổng phụ chợ Khe Tre, thuộc tổ dân phố 2, TT KT, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế thì thấy bà Lê Thị Vẽ, sinh năm: 1971, trú tại: Xã HL. huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 75H9-0460 đến dừng trước quán cơm của V để dọn dẹp hàng hóa. Lúc này, V cũng đi đến phụ giúp bà Vẽ dọn dẹp thì phát hiện trên xe mô tô của bà Vẽ có để một túi xách nhưng không kéo khóa, để lộ ra một xấp tiền nên nảy sinh ý định trộm cắp. Thấy bà Vẽ đang dọn hàng không để ý nên V tiến lại gần xe mô tô rồi lén lút thò tay phải vào trong túi xách cầm xấp tiền, nắm chặt trong lòng bàn tay rồi đi đến bỏ vào thùng nhựa đựng đá màu đỏ để trước cửa quán cơm, sau đó quay lại tiếp tục giúp bà Vẽ dọn dẹp. Sau khi dọn dẹp hàng hóa xong bà Vẽ lên xe mô tô đi về nhà, còn V cầm số tiền trộm cắp được đi lên phòng ngủ trên tầng hai kiểm tra thì biết được số tiền là 50.000.000 đồng (gồm 100 tờ tiền Polyme mệnh giá 500.000 đồng/tờ) và cất giấu trong tủ quần áo.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, bà Vẽ phát hiện bị mất trộm số tiền 50.000.000 đồng nên quay lại quán cơm của V để hỏi có lấy tiền của mình không thì V nói không lấy. Đến ngày 21/7/2024, bà Vẽ đã trình báo vụ việc mất tài sản đến Công an thị trấn Khe Tre để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật. Công an TT KT, huyện NĐ đã triệu tập Nguyễn Thị Túy V đến để làm việc. Tại Cơ quan Công an, Nguyễn Thị Túy V đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp lại số tiền: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

** Vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông đã thu giữ:* Số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) gồm 100 tờ Poolyme mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông đã xử lý vật chứng trả lại cho bà Lê Thị Vẽ là chủ sở hữu hợp pháp.

** Về dân sự:* Bị hại bà Lê Thị Vẽ đã nhận lại số tiền 50.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường đồng thời xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKSNĐ ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Nguyễn Thị Túy V về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố phát biểu quan điểm luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Về hình sự: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Túy V từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm tính từ ngày tuyên án.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự.

Tại phiên tòa, bị báo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố theo như bản Cáo trạng và quan điểm luận tội, bị cáo không có ý kiến tranh luận về hành vi, tội danh, hình phạt và các vấn đề khác.

Tại phiên tòa, bị hại bà Lê Thị Vẽ cung cấp lời khai như trong giai đoạn điều tra, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm; đồng thời xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Nói lời sau cùng tại phiên tòa, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu, khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 19/7/2024 tại khu vực cộng phụ chợ Khe Tre thuộc tổ dân phố 2, TT KT, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nguyễn Thị Túy V đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Lê Thị Vẽ số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ vụ lợi, muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác nên đã lợi dụng sơ hở của bị hại để lén lút chiếm đoạt tài sản nhằm thu

lợi bất chính, phục vụ nhu cầu bản thân, gây bức xúc, lo lắng cho nhân dân.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình; đã khắc phục hậu quả được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phạm tình tiết tăng nặng. Hành vi phạm tội của bị cáo là bộc phát, nhất thời, do hoàn cảnh kinh tế gia đình túng quẫn nên mới nảy sinh ý định trộm cắp tài sản; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nhân thân tốt, là con một hiện đang nuôi dưỡng mẹ già, thường xuyên đau ốm; ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông tại phiên tòa; giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục và ấn định một thời gian thử thách là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định, hiện đang nuôi dưỡng mẹ già nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) gồm 100 tờ Poolyme mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông đã xử lý vật chứng trả lại cho bị hại bà Lê Thị Vẽ là chủ sở hữu hợp pháp. Tại phiên tòa, bị hại không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo phù hợp với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Túy V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Túy V 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Túy V cho Ủy ban nhân dân TT KT, huyện NĐ, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Túy V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Nam Đông;
- CQĐT Công an huyện Nam Đông;
- CQ THAHS Công an huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND thị trấn Khe Tre;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Mạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Phan Văn Lợi **Hồ Thị Nga** **Nguyễn Văn Mạnh**